

BẢNG CÔNG KHAI CÁC NGUỒN QUỸ

Tháng 01/2023

	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Nguồn Ngân sách		
1	Nguồn chi hoạt động 0113		
2	Nguồn cải cách tiền lương 0114		
3	Nguồn chi không thường xuyên 0212		
II	Nguồn thu sự nghiệp	180.902.509	
1	Nguồn chi hoạt động	101.724.500	
2	Nguồn cải cách tiền lương	65.674.279	
3	Tài khoản 421	13.503.730	
III	Nguồn thu hộ chi hộ = (1) + (2)	233.953.737	
	Các loại quỹ (1)	95.621.158	
1	Tiền ăn	54.573.500	
2	Tiền nước uống	2.786.940	
3	Giấy thi	9.095.280	
4	Y tế	2.716.731	
5	Tiền điện - bảo trì máy lạnh	4.705.519	
6	Thiết bị vật dụng bán trú	6.146.100	
7	Vệ sinh	15.597.088	
	Nguồn trích lập quỹ (2)	138.332.579	
1	Khen thưởng	34.943.704	
2	Ổn định thu nhập	14.347.605	
3	Phúc lợi	40.189.825	
4	Phát triển sự nghiệp	48.851.445	
	Tổng cộng = I + II + III	414.856.246	

Phân tích nguồn tiền tồn quỹ:

	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Trong kho bạc (1)	100.843.785	
1	TK 9523.3.1071616.00000		
2	TK 9527.3.1071616.00000		
3	TK 3714.3.1071616.00000	1.847.538	
4	TK 3713.3.1071616.00000	98.996.247	
	Tiền gửi ngân hàng (2)	296.624.197	
1	Tài khoản 060292115558 (NH Sacombank)	5.155	
2	Tài khoản 060292119911 (NH Sacombank)	296.619.042	
	Tiền mặt tại quỹ (3)	12.835.764	
1	Tiền mặt nguồn thu sự nghiệp	9.427.140	
2	Tiền mặt nguồn thu hộ	3.408.624	
	Tiền SSC thu hộ (4)	4.552.500	
	Tổng cộng = (1) + (2) + (3) + (4)	414.856.246	

Kế toán



Bùi Nguyên Lệ Hồng

Hiệu trưởng



Trần Thị Kim Dung